

Bản án số: 18/2022/KDTM-PT

Ngày: 10-6-2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường

Các thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh

Ông Trần Quốc Cường

Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Xuân Thanh, Kiểm sát viên.

Vào các ngày 12 tháng 5 năm 2022 và ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2022/TLPT-HS ngày 18 tháng 01 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2022/KDTM-ST ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1580/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần B; trụ sở chính: Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chủ tịch hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

+ Ông Trần Văn C – Giám đốc Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Gia Lai; địa chỉ: Gia Lai.

+ Ông T Hoàng H - Cán bộ Ngân hàng TMCP B-Chi nhánh Gia Lai. Ông Hải có mặt ngày 12/5/2022.

+ Ông Lâm Hữu Q - Phó trưởng phòng khách hàng Doanh nghiệp 3, thuộc

Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Gia Lai; địa chỉ: Gia Lai, có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty cổ phần thủy điện Đ – Đ; địa chỉ trụ sở tỉnh Kon Tum.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Mai S – Giám đốc; địa chỉ: tỉnh Gia Lai, vắng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Tấn T; địa chỉ: tỉnh Gia Lai. Ông Hồ Tấn T có mặt ngày 12/5/2022; vắng mặt ngày 10/6/2022 và có đơn xin hoãn phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Hồ Sỹ T; địa chỉ: tỉnh Gia Lai, có đơn xin xử vắng mặt.

+ Công ty TNHH H; địa chỉ: tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Trịnh Thị Thùy D; địa chỉ: tỉnh Gia Lai, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/9/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Gia Lai, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lâm Hữu Q có các văn bản trình bày, các lời khai như sau:

Theo đề nghị của Công ty cổ phần thủy điện Đ - Đ, Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Gia Lai đã duyệt cho Công ty cổ phần thủy điện Đ - Đ vay vốn dài hạn để đầu tư Dự án thủy điện Đ, cụ thể như sau:

Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/6691984/HĐTD ngày 29/03/2016, Ngân hàng TMCP B đã cho Công ty CP thủy điện Đ - Đ vay số tiền: 543.000.000.000 đồng (Năm trăm bốn mươi ba tỷ đồng).

- Mục đích vay: đầu tư Dự án thủy điện Đ công suất 18MW bao gồm 02 bậc: Bậc 1 công suất 12MW và Bậc 2 công suất 06 MW.

- Thời hạn vay: 13 năm (156 tháng), từ ngày 29/03/2016 đến 29/03/2029.

- Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay là 10%/năm được cố định đến hết ngày 31/03/2017. Từ ngày 01/04/2017 trở đi áp dụng lãi suất cho vay thả nổi điều chỉnh 03 tháng 01 lần vào ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất tiết kiệm trả lãi sau kỳ hạn 12 tháng do BIDV Gia Lai thông báo tại thời điểm điều chỉnh (+) Phí 3,85%/năm, nhưng lãi suất sau điều chỉnh không thấp hơn lãi suất tại thời điểm cho vay. Trường hợp Ngân hàng áp dụng chính sách giảm lãi suất thấp hơn so với các mức qui định trên, Ngân hàng sẽ thông báo cụ thể cho khách hàng mà không cần ký phụ lục hợp đồng.

- Lãi suất quá hạn: 120% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Trường hợp tổng dư nợ của các lần rút vốn theo hợp đồng này nhỏ hơn tổng dư nợ theo lịch trả nợ trên đây hoặc thời gian ân hạn ngắn hơn thời gian ân hạn dự kiến thì sau khi kết thúc thời hạn rút vốn, Ngân hàng và Bên vay sẽ ký phụ lục Hợp đồng bổ sung để xác định lại lịch trả nợ chính thức của hợp đồng này.

Lịch trả nợ gốc theo Văn bản sửa đổi, bổ sung HĐTD số 01/2019/6691984/HĐTD ngày 29/03/2019, được xác định như sau:

Ngày, tháng, năm	Số tiền (đồng)	Ngày, tháng, năm	Số tiền (đồng)
29/03/2019	1.000.000.000	25/06/2019	2.000.000.000
25/09/2019	4.000.000.000	25/12/2019	4.000.000.000
25/03/2020	52.398.060.217	25/06/2020	4.000.000.000
25/09/2020	4.000.000.000	25/12/2020	6.000.000.000
25/03/2021	8.000.000.000	25/06/2021	8.000.000.000
25/09/2021	4.000.000.000	25/12/2021	10.000.000.000
25/03/2022	10.000.000.000	25/06/2022	10.000.000.000
25/09/2022	6.000.000.000	25/12/2022	12.000.000.000
25/03/2023	12.000.000.000	25/06/2023	10.000.000.000
25/09/2023	8.000.000.000	25/12/2023	12.000.000.000
25/03/2024	16.000.000.000	25/06/2024	10.000.000.000
25/09/2024	8.000.000.000	25/12/2024	16.000.000.000
25/03/2025	18.000.000.000	25/06/2025	14.000.000.000
25/09/2025	10.000.000.000	25/12/2025	16.000.000.000
25/03/2026	20.000.000.000	25/06/2026	14.000.000.000
25/09/2026	12.000.000.000	25/12/2026	18.000.000.000
25/03/2027	22.000.000.000	25/06/2027	16.000.000.000
25/09/2027	14.000.000.000	25/12/2027	20.000.000.000
25/03/2028	24.000.000.000	25/06/2028	16.000.000.000

25/09/2028	14.000.000.000	25/12/2028	24.000.000.000
29/03/2029	27.081.024.504		

- Lịch trả nợ lãi: Tối đa 03 tháng một lần vào ngày 05 của tháng đầu quý thu lãi đến hết ngày 25 của tháng cuối quý trước liền kề (kỳ thu lãi đầu tiên ngày 05/07/2016). Kỳ thu lãi cuối cùng trùng với ngày đến hạn của Hợp đồng, thu toàn bộ lãi phát sinh còn lại. Phương thức trả lãi: Hàng tháng.

- Thời điểm chuyển nợ quá hạn: Từ ngày 29/05/2019 (quá hạn gốc và lãi)

- Số dư nợ gốc hiện tại: 521.410.000.000 đồng.

- Dư nợ lãi tính đến ngày 15/9/2020: 74.151.391.285 đồng.

- Tính đến hết ngày 15/9/2020, Công ty CP thủy điện Đ - Đ còn nợ Ngân hàng TMCP B tổng số tiền: 595.975.515.195 đồng (Năm trăm chín mươi lăm tỷ, chín trăm bảy mươi lăm triệu, năm trăm mười lăm ngàn, một trăm chín mươi lăm đồng), trong đó:

- Gốc: 521.410.000.000 đồng

- Lãi trong hạn: 74.151.391.285 đồng.

- Phí phạt quá hạn: 414.123.910 đồng.

Về tài sản bảo đảm nợ vay: Để bảo đảm nợ vay, Công ty CP thủy điện Đ - Đ thế chấp tài sản hình thành trong tương lai theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 01/2016/ 6691984/HĐBĐ ngày 29/03/2016. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày: 31/03/2016.

Tài sản thế chấp được xác định là tài sản hình thành trong tương lai là toàn bộ Nhà máy thủy điện Đ công suất 18MW bao gồm 02 bậc giá trị được xác định theo Báo cáo kết quả kiểm tra giá trị khối lượng đã thực hiện của thủy điện Đ và tình hình thanh toán của Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Miền Trung là 785.318.391.172 đồng (Bảy trăm tám mươi lăm tỷ, ba trăm mười tám triệu, ba trăm chín mươi một nghìn, một trăm bảy mươi hai đồng), cụ thể:

Đối với Nhà máy thủy điện Đ - Bậc 1:

- Vị trí xây dựng: Công trình thủy điện Đ - Bậc 1 được xây dựng trên khu đất rộng 1.538.032,8 m² thuộc địa bàn xã Đ, huyện Đ và xã Đ, huyện T, tỉnh Kon

Tum được giao cho Công ty CP thủy điện Đ - Đ để thực hiện Dự Án Thủy điện Đ Bậc 1 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số CH 272502, số vào sổ cấp GCN: CT02620 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum cấp ngày 13/03/2017, được mô tả chi tiết như sau:

+ Thừa đất số 2, tờ bản đồ số: TĐ 01-2017; địa chỉ thừa đất: Khoảnh 13 tiểu khu 271; khoảnh 4 tiểu khu 320; khoảnh 2, 3, 5, 7, 8, 9, 10, 11 tiểu khu 21; khoảnh 4, 8, 9, 11, 12 tiểu khu 325; khoảnh 1, 2, 6, 9 tiểu khu 328 - xã Đ, huyện Đ và khoảnh 11, 13 tiểu khu 271 - xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum.

+ Diện tích: 1.538.032,8 m² (Bằng chữ: Một triệu năm trăm ba mươi tám ngàn không trăm ba mươi hai phẩy tám mét vuông).

+ Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng.

+ Mục đích sử dụng: Đất công trình năng lượng.

+ Thời hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 24/06/2046.

+ Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- Các hạng mục công trình:

+ Đập không tràn

Đập không tràn là đập bê tông trọng lực được bố trí nối tiếp hai bờ. Chiều dài đập phía bờ trái là 42,10m; bờ phải là 52,20m. Đoạn đập bờ trái tiếp giáp với hạng mục đập tràn, đoạn đập bờ phải tiếp giáp với hạng mục cửa lấy nước. Mặt cắt đập không tràn có mái thượng lưu thẳng đứng, mái hạ lưu 1:0,8, đỉnh đập vai phải rộng 5,0m, đỉnh đập vai trái rộng 3,0m, chiều cao mặt cắt đập dâng cao nhất là 20,9m. Kết cấu lõi đập bằng bê tông M15, cốt liệu lớn (đá D_{max}=6-8cm), ngoài thượng lưu bọc BTCT M20 dày 1,0m 1,5m, mặt hạ lưu bọc BTCT M20 dày trung bình 0,5m, đáy đập là BT M20 dày 1,0m.

+ Đập tràn

Đập tràn thiết kế là loại đập tràn có mặt cắt thực dụng không chân không kiểu Cơ ri ghơ Ô phi xê rôp. Đập tràn nằm trong tuyến áp lực ở lòng sông. Đập tràn tự do có kích thước B_{tr}=80,0m, cao độ ngưỡng tràn 652,80m. Phần đầu tràn là một kết cấu khung bê tông cốt thép và bên dưới ngưỡng tràn là đập bê tông cốt thép và lõi đập là bê tông cốt liệu lớn M15. Chiều rộng của mỗi khối tràn là: hai

khối biên mỗi khối rộng 20 m, hai khối giữa rộng 20,5m. Chiều cao xây dựng của đập tràn là 33,0m, trong đó mô tả theo phương đứng dọc theo tim đập chiều dày các lớp như sau: 23,0m chiều cao là đập bê tông cvc lõi đập cốt liệu lớn M15 (đá $D_{max}=6-8cm$); 1 m bê tông CVC mác M20 đáy; 3,8m chiều dày lớp bê tông cốt thép CVC mác M25-B8 tạo mặt tràn; 3,7m là phần bê tông cvc của trụ biên.

+ Lỗ xả sâu

Nối tiếp với vai phải đập tràn là lỗ xả sâu kết hợp xả cát và dẫn dòng thi công, chiều dài 20,0m. Vai phải lỗ xả sâu tiếp giáp với cửa lấy nước. Kích thước gồm 2 khoang bxxh = 6,0x8,0m, cao độ ngưỡng 629,0m. Đỉnh lỗ xả xả sâu có cao độ 656,50m. Có 02 cửa van vận hành và 02 cửa van sửa chữa - sự cố. Cửa van sửa chữa vận hành bằng cầu trục của cửa lấy nước, cửa van vận hành dùng tời điện.

+ Cửa nhận nước

Cửa nhận nước có 2 khoang, dẫn nước vào 2 tổ máy của nhà máy thủy điện. Cửa van vận hành gồm 2 bộ loại phẳng - bánh xe, kích thước thông thủy là 6.6x3.4m. Cửa van sửa chữa gồm 2 bộ loại phẳng - trượt, kích thước thông thủy là 6,6x6,75m, mỗi cửa sửa chữa chia thành 2 phân đoạn và được nối với nhau bằng khớp mềm. Khe lưới chắn rác được bố trí trùng với khe cửa van sửa chữa. 2 bộ lưới chắn rác cho 2 khoang, với kích thước thông thủy là 6.6x6.75m (rộng X cao), mỗi lưới chắn rác được chia thành 3 phân đoạn. Đỉnh cửa nhận nước có cao trình 656.5m bằng cao trình đỉnh đập, có bố trí dầm đỡ cầu trục tự hành, tời điện, sàn thao tác vận hành, lan can bảo vệ.

+ Nhà máy thủy điện

Nhà máy thủy điện Đ - Bậc 1 gồm 2 tổ máy, tổng công suất lắp máy 12MW, tua bin Kaplan trục đứng, nằm ở bờ phải. Nhà máy có kết cấu bê tông cốt thép, cao trình lắp máy 619.7m, cao trình sàn gian máy 628.1m, cao trình sàn lắp ráp 634.0m.

+ Kênh xả

Kênh xả đoạn 1 có bề rộng đáy giảm dần từ 18m xuống 12m, chiều dài 24.0m. Ngăn cách giữa xả sâu và kênh xả nhà máy là tường phân dòng kết cấu bê tông bê tông cốt thép M20, cao trình đỉnh 631.0m để hạn chế bùn cát bị cuốn vào kênh xả. Đáy kênh xả được gia cố bằng đá xây, dày 30cm, mái kênh gia cố bằng bê tông phun M30.

+ Trạm biến áp nâng áp 110kV:

Kiểu ngoài trời, điện áp 110/22kV để gom công suất của 2 nhà máy bậc 1 và bậc 2.

- Các tài sản khác bao gồm: máy móc thiết bị của nhà máy thủy điện, đường dây điện đấu nối và các tài sản khác được hình thành sau đầu tư trong phạm vi Dự án nhà máy thủy điện Đ - Bậc 1.

Đối với Nhà máy thủy điện Đ - Bậc 2:

- Vị trí xây dựng: Công trình thủy điện Đ - Bậc 2 được xây dựng trên khu đất rộng 404.280,1m² thuộc địa bàn xã Đ, huyện Đ và xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum được giao cho Bên Thế Chấp để thực hiện Dự Án Thủy điện Đ -Bậc 2 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số CH 272501, số vào sổ cấp GCN: CT02619 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum cấp ngày 13/03/2017, được mô tả chi tiết như sau:

+ Thừa đất số 1, tờ bản đồ số: TĐ 01-2017; địa chỉ thửa đất: Khoảnh 13 tiểu khu 271; khoảnh 4 tiểu khu 320; khoảnh 2, 3, 5, 7, 8, 9, 10, 11 tiểu khu 21; khoảnh 4, 8, 9, 11, 12 tiểu khu 325; khoảnh 1, 2, 6, 9 tiểu khu 328 - xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

+ Diện tích: 404.280,1 m² (Bằng chữ: Bốn trăm linh bốn ngàn hai trăm tám mươi phẩy một mét vuông).

+ Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng.

+ Mục đích sử dụng: Đất công trình năng lượng.

+ Thời hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 12/10/2046.

+ Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- Các hạng mục công trình:

Bố trí công trình bao gồm đập tràn có cửa van được bố trí tại lòng sông với 3 khoang kích thước BxH=13x1 m. Tuyến năng lượng bố trí bên bờ trái, gồm cửa lấy nước, nhà máy tua bin Kapsun 2 tổ máy.

+ Đập không tràn

Đập không tràn là đập bê tông trọng lực được bố trí nối tiếp hai bờ. Chiều dài đập phía bờ trái là 34,55m; bờ phải là 41,0m, đoạn đập bờ trái tiếp giáp với

hạng mục cửa lấy nước. Mặt cắt đập không tràn có mái thượng lưu thẳng đứng, mái hạ lưu 1:0.8, đỉnh đập vai trái rộng 5,0m, đỉnh đập vai phải rộng 3,0m, chiều cao mặt cắt đập dâng cao nhất là 19,5m. Kết cấu lõi đập bằng bê tông M15, cốt liệu lớn (đá $D_{max}=6-8\text{cm}$), ngoài thượng lưu bọc BTCT M20 dày 1,0m, mặt hạ lưu bọc BTCT M20 dày trung bình 0,5m, đáy đập là BT M20 dày 1,0m.

+ Đập tràn

Đập tràn được bố trí tại lòng sông, nối tiếp với đập dâng vai phải và nhà máy thủy điện bờ trái. Đập tràn có 3 khoang, kích thước 13x11m, điều tiết bằng cửa van phang. Cửa van sửa chữa, sự cố được nâng, hạ bằng cầu trục chân dê (dùng chung với cửa lấy nước) và cửa van vận hành được nâng, hạ bằng tời điện. Đỉnh trụ pin đập tràn ở cao độ 630,0m, bằng cao độ đỉnh đập dâng. Trên đỉnh trụ pin phía thượng lưu bố trí dầm cầu trục chân dê, cầu giao thông.

+ Cửa nhận nước

Cửa lấy nước được bố trí ở bờ trái, tim cách tim tuyến đập tràn 66,40m. Để ngăn bùn cát chảy vào cửa lấy nước, giữa đoạn kênh vào bố trí tường chắn bùn cát có cao trình đỉnh 614,5m, cao hơn cao trình ngưỡng tràn 1,0m. Bố trí lưới chắn rác ở thượng lưu cửa lấy nước, sau lưới chắn rác là cửa van sửa chữa cửa lấy nước có kích thước BxH= 4,5mx5,0m. Cửa lấy nước có 02 khoang, dẫn nước vào 02 tổ máy. Các cửa van sửa chữa được nâng, hạ trong nước tĩnh bằng cầu trục chân dê.

+ Nhà máy thủy điện

Nhà máy thủy điện gồm 2 tổ máy, tổng công suất lắp máy 6 MW, tua bin Kapsun - cánh quay, trục ngang. Sàn lắp ráp bố trí liền kề với tổ máy của nhà máy ở bên trái có cao trình là 613,7m, kích thước mặt bằng 9,7m (dọc dòng chảy) và 9,8m (vuông góc dòng chảy).

Kênh xả có chiều dài 46,0m, bề rộng đáy 12,7m. Giữa kênh xả và hạ lưu tràn xả lũ bố trí tường phân dòng với cao độ đỉnh 614,0m, chiều dài 25,8m.

+ Trạm nâng áp 22kV:

Trạm nâng áp của nhà máy bậc 2 là kiểu tủ đặt trong nhà, đấu nối đến TBA110/22kV Nhà máy Bậc 1 bằng đường dây trên không 22kV.

- Các tài sản khác bao gồm: máy móc thiết bị của nhà máy thủy điện, đường dây điện đấu nối và các tài sản khác được hình thành sau đầu tư trong phạm vi Dự án nhà máy thủy điện Đ - Bậc 2.

Trên cơ sở các giấy tờ pháp lý về đất đai và tài sản trên đất của Dự án nhà máy thủy điện Đ:

+ Giấy chứng nhận đầu tư số 38121000012 do ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 18/04/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 09/02/2015.

+ Văn bản số 3017/UBND-KTN ngày 18/11/2014 của UBND tỉnh Kon Tum “V/v dự án đầu tư công trình thủy điện Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum”.

+ Văn bản số 12475/BCT-TCNL ngày 12/12/2014 của Bộ Công Thương “V/v thống nhất quy mô công suất lắp máy của Dự án thủy điện Đ, tỉnh Kon Tum”.

+ Công văn số 1879/EVNCPC-KH ngày 27/03/2015 của Tổng Công ty điện lực Miền Trung V/v gia hạn chấp thuận mua điện dự án thủy điện Đ.

+ Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 08/03/2016 của UBND tỉnh Kon Tum “V/v phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: Công trình thủy điện Đ”.

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 08/TD- PCCC ngày 22/03/2016 của Phòng cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Kon Tum.

+ Quyết định số 01/QĐ-QT ngày 24/03/2016 của Hội đồng quản trị Công ty CP Thủy điện Đ Đ “V/v phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình thủy điện Đ Bậc 1 và 2”.

+ Công văn số 21/CV-VIECODE-KT ngày 23/03/2016 của Công ty CP tư vấn đầu tư và phát triển năng lượng Việt Nam về việc cung cấp bảng thông số chính các hạng mục công trình thủy điện Đ, tỉnh Kon Tum.

+ Quyết định số 03/QĐ-QT ngày 15/02/2016 của Hội đồng quản trị Công ty CP Thủy điện Đ Đ về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật thi công - Tổng dự toán đầu tư xây dựng công trình thủy điện Đ.

+ Công văn số 18/VB-CT ngày 10/03/2016 của Công ty CP Thủy điện Đ Đ gửi Sở xây dựng tỉnh Kon Tum “V/v xem xét miễn giấy phép xây dựng công trình thủy điện Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum”.

+ Công văn số: 223/SXD-QLKTQH ngày 15/03/2016 của Sở xây dựng tỉnh Kon Tum “V/v phúc đáp văn bản số: 18/VB-CT ngày 10/03/2016 của Công ty CP Thủy điện Đ Đ”.

+ Công văn số 22/VB-CT ngày 10/03/2016 của Công ty CP Thủy điện Đ Đ gửi UBND huyện Đ “V/v cung cấp thông tin về mặt bằng qui hoạch xây dựng để triển khai thi công dự án thủy điện Đ”.

+ Công văn số 362/UBND-TH ngày 24/03/2016 của UBND huyện Đ “V/v phúc đáp văn bản số: 22/VB-CT ngày 10/03/2016 của Công ty CP Thủy điện Đ Đ”.

+ 12 Bản đồ địa chính phục vụ bồi thường giải phóng mặt bằng công trình thủy điện Đ, địa điểm: tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum duyệt ngày 08/12/2015.

+ Thông báo số 24/TB-UBND ngày 28/01/2016 của UBND huyện Đ thông báo thu hồi đất để xây dựng công trình thủy điện Đ.

+ Giấy phép hoạt động điện lực Bạc 1 số 80/GP-ĐTĐL cấp ngày 22/03/2019 do Cục điều tiết điện lực - Bộ Công thương cấp;

+ Giấy phép hoạt động điện lực Bạc 2 số 315/GP-ĐTĐL cấp ngày 03/10/2019 do Cục điều tiết điện lực - Bộ Công thương cấp.

+ Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 3395/GP-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 28/12/2017.

+ Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 3396/GP-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 28/12/2017.

+ Hợp đồng mua bán điện Nhà máy thủy điện Đ áp dụng biểu giá chỉ phải tránh được số 9/2017/DAKPSI/EVNCPC-DDC ngày 20/12/2017 giữa Tổng Công ty điện lực Miền Trung và Công ty CP Thủy điện Đ Đ.

+ Báo cáo kết quả kiểm tra giá trị khối lượng đã thực hiện của thủy điện Đ và tình hình thanh toán của Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Miền Trung ngày 30/09/2019.

+ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số CH 272501, số vào sổ cấp GCN: CT02619 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum cấp ngày 13/03/2017.

+ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số CH 272502, số vào sổ cấp GCN: CT02620 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum cấp ngày 13/03/2017.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng:

Từ ngày đến kỳ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký, Ngân hàng TMCP B đã nhiều lần thông báo, làm việc đề nghị Công ty CP thủy điện Đ - Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nhưng không đạt kết quả. Về phía Công ty CP thủy điện Đ - Đ tuy vẫn đang duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh tuy nhiên nguồn doanh thu từ tiền điện hàng tháng thấp không đủ khả năng trả nợ gốc và lãi vay Ngân hàng, việc phối hợp tìm nguồn khác trả nợ không đạt kết quả.

Xét thấy không còn khả năng tự thương lượng để giải quyết thu hồi nợ, Ngân hàng TMCP B đã đơn khởi kiện đến Tòa án Nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu Công ty CP thủy điện Đ - Đ thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Trên cơ sở thỏa thuận của hai bên, thống nhất xác định Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án Nhân dân tỉnh Gia Lai tại Hợp đồng tín dụng số 01/2016/6691984/HĐTD ngày 29/03/2016, Ngân hàng TMCP B đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét:

1. Buộc Công ty CP thủy điện Đ - Đ có trách nhiệm thanh toán ngay, dứt điểm cho Ngân hàng TMCP B (thông qua Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Gia Lai, địa chỉ: 112 Lê Lợi, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai) toàn bộ khoản nợ vay nói trên theo Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi giải quyết xong, tạm tính đến ngày 15/9/2020 với số tiền: 595.975.515.195 đồng (bằng chữ: Năm trăm chín mươi lăm tỷ, chín trăm bảy mươi lăm triệu, năm trăm mười lăm ngàn, một trăm chín mươi lăm đồng), trong đó bao gồm:

- Gốc: 521.410.000.000 đồng.
- Lãi trong hạn: 74.151.391.285 đồng.
- Phí phạt quá hạn: 414.123.910 đồng.

2. Xử lý bán tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2016/ 6691984/HĐBĐ ngày 29/03/2016 là, toàn bộ Nhà máy thủy điện Đ công suất 18MW (gồm 02 Bậc: Bậc 1 công suất 12MW và Bậc 2 công suất 06 MW) tại xã Đ, huyện Đ và xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP B.

Đến ngày 09 tháng 10 năm 2021 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lâm Hữu Q có đơn đề nghị thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện với nội dung:

- Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Gia Lai yêu cầu Công ty cổ phần thủy điện Đ - Đ có trách nhiệm thanh toán ngay, dứt điểm toàn bộ khoản nợ vay theo Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi giải quyết xong, tạm tính đến ngày 31/10/2021 với số tiền 596.414.894.837 đồng (Năm trăm chín mươi sáu tỷ, bốn trăm mười bốn triệu, tám trăm chín mươi bốn nghìn, tám trăm ba bảy đồng); trong đó

+ Nợ gốc: 465.190.000.000 đồng

+ Lãi trong hạn: 130.149.776.008 đồng

+ Phí phạt quá hạn: 1.075.118.829 đồng

2. Bị đơn là Công ty cổ phần thủy điện Đ - Đ, đại diện theo pháp luật, đại diện theo ủy quyền là ông Hồ Tấn Trinh có các văn bản trình bày, lời khai như sau:

Công ty cổ phần thủy điện Đ - Đ có ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần B - Chi nhánh Gia Lai tại Hợp đồng tín dụng số 01/2016/6691984/HĐTD ngày 29/3/2016 để vay vốn đầu tư dự án với số tiền 543.000.000.000 đồng, thông qua từng đợt giải ngân thì tổng số tiền rút thực tế là 536.479.084.721 đồng, về tài sản bảo đảm nợ vay: Để bảo đảm nợ vay, Công ty CP thủy điện Đ - Đ thế chấp tài sản hình thành trong tương lai theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 01/2016/6691984/HĐBĐ ngày 29/03/2016. Thời hạn trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng là đến ngày 29/3/2029. Theo hợp đồng nguồn tiền trả lãi trích từ vốn vay và nguồn thu bán điện.

Theo các bản sao kê tài khoản ngân hàng mà Công ty cổ phần thủy điện Đ - Đ cung cấp cho Tòa án để chứng minh là Công ty cổ phần thủy điện Đ - Đ đã thu, chi từ nguồn thu nhà máy thủy điện Đ cho đến khi nhà máy thủy điện Đ vận hành phát điện bán cho Công ty khác. Công ty cổ phần thủy điện Đ - Đ thống nhất là đã trả cho Ngân hàng nợ gốc là 66.254.084.721 đồng, trả lãi là 137.618.054.689 đồng.

Kể từ khi thẩm định cho vay ngân hàng đều đánh giá cao hiệu quả tính thanh khoản của dự án nhà máy thủy điện Đ nên đã đồng ý cho vay. Bên cạnh đó trước khi ký hợp đồng tín dụng, ngân hàng cùng với Công ty CP thủy điện Đ - Đ thỏa thuận 03 năm đầu Công ty CP thủy điện Đ - Đ dùng nguồn tiền huy động cổ đông trả lãi, nếu không thì ngân hàng cho vay nhập gốc, ngày đầu tiên tính lãi là ngày 05/7/2016. Lãi vay trong thời gian xây dựng công trình ngân hàng giải ngân từ nguồn vốn vay của Dự án nhà máy thủy điện Đ để trả lãi. Nhà máy thủy điện Đ đưa vào vận hành và phát điện cụ thể:

- Nhà máy thủy điện Đ - Bậc 1. Với công suất 12MW vận hành từ tháng 7 năm 2018

- Nhà máy thủy điện Đ - Bậc 2. Với công suất 6MW vận hành từ tháng 01 năm 2019.

Sau khi nhà máy thủy điện Đ vận hành phát điện thì Công ty CP thủy điện Đ - Đ bán điện cho Tổng Công ty điện lực Miền Trung, số tiền bán điện từ nhà máy thủy điện Đ do Ngân hàng thu. Số tiền bán từng tháng cho đến nay đã được Công ty CP thủy điện Đ Đ sao kê tại các bản sao kê đã nộp cho Tòa án và tại nội dung bản báo cáo ngày 21/9/2021.

Như vậy, có nghĩa là toàn bộ doanh thu từ việc phát điện của công ty, thì Công ty CP thủy điện Đ - Đ thống nhất để Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Gia Lai thực hiện việc thu nợ gốc, lãi và thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, Công ty CP thủy điện Đ - Đ chỉ đề xuất nhận một khoản tiền để chi trả tiền lương cho nhân viên công ty và nhân viên vận hành.

Trong suốt thời gian từ tháng 9 năm 2020 mặc dù Công ty thiếu hụt nhân sự trầm trọng nhưng vẫn luôn chủ động liên lạc và hối thúc Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Gia Lai (cả Ngân hàng ở địa phương lẫn Ngân hàng ở Trung ương) trong việc thỏa thuận giải quyết khoản nợ nêu trên. Công ty CP thủy điện Đ - Đ đã thống nhất việc phối hợp với ngân hàng trong việc giải quyết nghĩa vụ nợ vay đối với tài sản nhà máy thủy điện Đ (tài sản đảm bảo của Công ty CP thủy điện Đ - Đ) của công ty tại Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Gia Lai và đã đề xuất lựa chọn 02 Công ty thẩm định giá độc lập là Công ty CP thẩm định giá E và Công ty CP thẩm định giá V để thẩm định giá giá trị tài sản nhà máy thủy điện Đ. Cũng trong thời gian này, Công ty CP thủy điện Đ - Đ chưa bao giờ nhận được thông báo về vụ kiện gì của quý Ngân hàng đối với Công ty. Đến ngày 20/10/2020, khi nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án về việc Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Gia Lai có đơn yêu cầu khởi kiện đối với Công ty CP thủy điện Đ - Đ thì Công ty đã được Ngân hàng trả lời đây là đơn khởi kiện có từ trước, trước khi có thỏa thuận giữa hai bên và vì thời gian đã qua nên Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Gia Lai không thể thu hồi được đơn khởi kiện này. Với động thái này của Ngân hàng đã làm ảnh hưởng rất lớn đến tinh thần và hoạt động của Công ty CP thủy điện Đ - Đ.

Theo nội dung làm việc thể hiện tại các “Biên bản làm việc” do hai bên là Công ty CP thủy điện Đ - Đ và Ngân hàng ký là đều do Ngân hàng thúc ép. Tuy nhiên, Công ty CP thủy điện Đ - Đ đồng ý xử lý tài sản bảo đảm để trả nợ cho ngân

hàng nhưng với điều kiện phải thẩm định giá trị tài sản nhà máy thủy điện Đ. Vì Công ty CP thủy điện Đ - Đ đã đầu tư vào Dự án nhà máy thủy điện Đ cho đến khi vận hành phát điện là trên 700 tỷ (Trong đó có cả vốn vay của Ngân hàng) thể hiện tại “Báo cáo kết quả kiểm tra” của Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Miền Trung số 329 năm 2019. Đồng thời, đối tác nhận chuyển nhượng tài sản phải tương đương vốn đầu tư trở lên. Nay tài sản chưa được thẩm định lại, chưa tìm được đối tác (Mua tài sản). Vì vậy tránh gây thiệt hại cho Công ty CP thủy điện Đ - Đ đề nghị Ngân hàng tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng cho đến hết thời hạn cam kết, đến lúc đó Công ty CP thủy điện Đ - Đ sẽ trả hết vốn vay và lãi phát sinh khi Ngân hàng khấu trừ tiền thu phát điện đến năm 2029.

Việc đề cập đến Công ty TNHH H thì Công ty CP thủy điện Đ - Đ xin trình bày: Ngoài vốn vay của ngân hàng để đầu tư dự án nhà máy thủy điện Đ (Tài sản bảo đảm), thì không có tài sản nào bổ sung, cũng như không có pháp nhân và cá nhân nào đưa tài sản bổ sung vào để đảm bảo cả, không có pháp nhân hoặc cá nhân nào cam kết trả nợ thay cho Công ty CP thủy điện Đ - Đ khi ngân hàng thu tiền gốc và lãi không đủ từ doanh thu bán điện của nhà máy thủy điện Đ. Hai Công ty CP thủy điện Đ - Đ và Công ty TNHH H độc lập nhau, đều có tư cách pháp nhân, chỉ có các cổ đông góp vốn đan xen vào hai công ty, không có tính ràng buộc gì.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng Công ty CP thủy điện Đ - Đ nhận thấy không vi phạm cam kết trả nợ và thời gian trả nợ. Vì sau khi nhà máy thủy điện Đ đưa vào vận hành và phát điện, Ngân hàng đã thu tiền bán điện để trừ nợ gốc và lãi vay do tiền phát điện (Bán điện) không đủ theo kế hoạch ghi trong hợp đồng tín dụng là do hạn hán hai năm đầu, hiện tại nhà máy thủy điện Đ vận hành bình thường, nguồn thu đáp ứng trả nợ nên Ngân hàng cho rằng Công ty Đ vi phạm cam kết trả nợ là không đúng. Công ty CP thủy điện Đ - Đ không được thu tiền bán điện cũng không nhận bất kỳ thông báo nào từ phía Ngân hàng về việc Ngân hàng cho rằng Công ty CP thủy điện Đ - Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ thời gian trả nợ. Công ty CP thủy điện Đ - Đ yêu cầu Tòa án bác đơn khởi kiện của Ngân hàng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hồ Sỹ T có văn bản trình bày:

Nguyên trước đây ông làm Chủ tịch Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty CP thủy điện Đ - Đ (Công ty). Để thực hiện đầu tư dự án thủy điện Đ, Công ty đã thực hiện các thủ tục pháp lý về hồ sơ theo yêu cầu của Ngân hàng BIDV, Ngân

hàng BIDV đã thẩm định, kiểm tra tính khả thi dự án và đồng ý nhận thế chấp dự án, cấp vốn cho Công ty vay 80%, vốn đóng góp các cổ đông 20%. Công ty cam kết trả nợ gốc vay theo phân kỳ từ nguồn doanh thu dự án sau khi hoàn thành đưa vào hoạt động từ giá bán điện theo biểu giá được Bộ Công Thương công bố hàng năm (Được Ngân hàng chứng nhận và đưa vào kỳ hạn trả nợ trong hợp đồng tín dụng) do hai bên ký kết năm 2016, trong đó thỏa thuận lãi vay Công ty CP thủy điện Đ - Đ sẽ lấy nguồn đóng góp các cổ đông trả 03 năm kể từ kỳ trả lãi đầu tiên của hợp đồng tín dụng (Các văn bản thỏa thuận trước khi ký hợp đồng tín dụng). Sau khi nhà máy thủy điện Đ đưa vào vận hành (Phát điện) Công ty CP thủy điện Đ - Đ không thu lợi nhuận về Công ty và không được chia cổ tức cho các cổ đông mà Ngân hàng đã trực tiếp thu để trừ nợ gốc và lãi. Do nguồn dự trữ dự án không theo dự đoán, đánh giá trước đó là do thời tiết, biến đổi khí hậu các năm đầu hạn đã ảnh hưởng đến vận hành phát điện, không đủ dòng vốn thu về theo kế hoạch. Điều này lẽ ra ngân hàng phải cơ cấu hoặc giãn nợ nguồn vốn vay cho Công ty CP thủy điện Đ - Đ để cùng đồng hành, chia sẻ khó khăn chung, tránh gây thiệt hại lớn về phía Công ty CP thủy điện Đ - Đ. Hiện nay, nhà máy thủy điện Đ đang hoạt động bình thường, hiệu quả có nguồn thu và do ngân hàng trực tiếp thu tiền bán điện để trừ nợ vay. Công ty CP thủy điện Đ - Đ không vi phạm cam kết nào tại hợp đồng tín dụng do hai bên ký kết năm 2016.

Các văn bản trước khi Công ty gửi đến ngân hàng và ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng thì ông tham gia với tư cách thay mặt pháp nhân của Công ty cổ phần thủy điện Đ - Đ, tài sản đảm bảo cho khoản vay là dự án thủy điện Đ. Ngoài ra không có bất kỳ pháp nhân hoặc cá nhân nào bảo lãnh đứng ra chịu trả nợ thay cho Công ty cổ phần thủy điện Đ - Đ, Ngân hàng thúc ép Công ty CP thủy điện Đ - Đ tìm đối tác để chuyển nhượng dự án (Tài sản bảo đảm) ở thời điểm này là gây khó khăn, bất lợi, thậm chí đưa doanh nghiệp (Công ty) vào phá sản, bởi lẽ không có đối tác nào nhận chuyển nhượng, nguồn vốn Công ty đã đầu tư vào dự án có giá trị lớn. Do đó, Công ty CP thủy điện Đ - Đ cần phải có thời gian để tìm đối tác xứng tầm có khả năng nhận chuyển nhượng dự án, mới đảm bảo sự hài hòa các bên. Vậy, đề nghị ngân hàng tiếp tục thực hiện cam kết tại hợp đồng tín dụng do hai bên đã ký kết, giãn thời gian trả nợ cho phù hợp với dòng vốn thu về từ dự án cho đến khi kết thúc thời hạn trả nợ vào năm 2029.

Hiện tại ông không còn giữ chức vụ gì ở Công ty cổ phần thủy điện Đ - Đ, do đó ông không tham gia tố tụng đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Công ty TNHH H; đại diện theo ủy quyền chị Trịnh Thị Thùy Dung có văn bản trình bày, lời khai như sau:

Công ty TNHH H là công ty có tư cách pháp nhân, tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập, kinh doanh, hoạt động hoạch toán cụ thể riêng biệt và không liên quan đến hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Đ - Đ. Chỉ có các cổ đông góp vốn đang xen vào hai công ty và không có tính ràng buộc pháp lý gì với nhau. Công ty TNHH H không đưa tài sản của Công ty dùng làm tài sản thế chấp bảo đảm cho Công ty cổ phần thủy điện Đ - Đ.

Trước đây Công ty TNHH H có văn bản số 96/CV-HN (v/v phúc đáp công văn số 96/CV-ĐN) ngày 20/10/2015 có chữ ký xác nhận của Giám đốc Công ty Hồ Sỹ Hưng, tuy nhiên văn bản này không phải là văn bản cam kết trả nợ thay cho Công ty cổ phần thủy điện Đ - Đ nếu nguồn doanh thu từ dự án nhà máy thủy điện Đ - Đ không đủ trả nợ cho ngân hàng. Văn bản này chỉ có ý kiến đối với Công ty cổ phần thủy điện Đ - Đ còn về mặt pháp lý Công ty TNHH H không liên quan đến Công ty cổ phần thủy điện Đ. Công ty TNHH H không có chức năng bảo lãnh tài chính gì mà Công ty TNHH H là tổng thầu thi công, thi công dự án nhà máy thủy điện Đ. Vì Công ty cổ phần thủy điện Đ - Đ và Công ty TNHH H là hai công ty có tư cách pháp nhân riêng nên việc Ngân hàng yêu cầu Công ty cổ phần thủy điện Đ - Đ trả nợ vay trước thời hạn Công ty H xin bảo lưu ý kiến không trả nợ thay cho Công ty cổ phần thủy điện Đ - Đ.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2021/KDTM-ST ngày 06-12-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm b, g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức án phí và lệ phí Tòa án
- Áp dụng các Điều 105, 274, khoản 1 Điều 275; 278, 317, 318, 319 và 351 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Xử:

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B - Chi nhánh Gia Lai về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” với bị đơn là Công ty cổ phần thủy điện Đ - Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Sỹ T, Công ty TNHH H.

2. Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần B - Chi nhánh Gia Lai phải chịu 708.414.894 đồng (*Bảy trăm lẻ tám triệu, bốn trăm mười bốn nghìn, tám trăm chín mươi bốn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được khấu trừ số tiền đã

tạm nộp 351.987.757 đồng tại Biên lai tạm ứng án phí số 0011629 ngày 15/10/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Ngoài ra bản án còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/12/2021, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa ngày 12/5/2022, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi xét xử. Về giải quyết yêu cầu kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Tại phiên tòa ngày 10 tháng 6 năm 2022, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giữ nguyên quan điểm về giải quyết vụ án như đã phát biểu tại phiên tòa ngày 12/5/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xem xét quan điểm của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa ngày 12/5/2022, đại diện các bên đương sự nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã xét hỏi làm rõ các tình tiết nội dung vụ án mà các bên tranh chấp, các bên đương sự đã thực hiện quyền tranh luận và đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa đã phát biểu quan điểm về xử lý vụ án. Tuy nhiên, do cần làm rõ thêm một số tình tiết của vụ án nên Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định tạm ngừng phiên tòa theo quy định tại Điều 304 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 25/5/2022, Tòa án có Thông báo số 1735/2022/TB-TA, thông báo về việc mở lại phiên tòa kinh doanh thương mại vào ngày 10/6/2022. Tại phiên tòa ngày 10/6/2022, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hồ Tấn Trinh, có đơn xin hoãn phiên tòa vì lý do bị ốm. Xét thấy, phiên tòa ngày 12/5/2022 tạm ngừng theo Điều 304 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định tại Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự, khi lý do tạm ngừng không còn thì Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành phiên tòa. Mặt khác, phiên tòa đã mở nhiều

lần và phía bị đơn không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành phiên toà theo quy định đã nêu.

[2] Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; nguyên đơn có kháng cáo giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các bên đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, Toà án tiến hành giải quyết theo quy định.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện đồng thời là yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: trong vụ án này, một vấn đề được xác định là giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập một hợp đồng tín dụng, theo đó Công ty Cổ phần thủy điện Đ- Đ vay của Ngân hàng TMCP B số tiền 543.000.000.000 đồng; mục đích vay: đầu tư Dự án thủy điện Đ công suất 18MW bao gồm 2 bậc: Bậc 1, công suất 12MW và Bậc 2 công suất 06MW; thời hạn vay: 13 năm (156 tháng), từ ngày 29/3/2016 đến 29/3/2029 (Theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/6691984/HĐTD ngày 29/3/2016, BL- 238-243). Để đảm bảo khoản vay này, Công ty Cổ phần thủy điện Đ-Đ thế chấp tài sản được hình thành trong tương lai đó là toàn bộ nhà máy thủy điện Đ, công suất 18MW (Theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai, số 01/1016/6691984/HĐBĐ ngày 29/3/2016, BL-140). Ngày 30/03/2016 Tại phòng Công chứng số 2 tỉnh Kon Tum đã thực hiện công chứng “Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2016/6691984/HĐBĐ, giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng thương mại cổ phần B với bên thế chấp Công ty Đ -Đ. Theo đó, Công ty Đ - Đ thế chấp toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai (Tài sản hình thành từ vốn vay) bao gồm nhà máy thủy điện Đ công suất 18MW (Bậc 1 và Bậc 2), Công trình xây dựng trên sông Đ thuộc xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum, cùng các loại giấy tờ, hồ sơ của Dự án nhà máy thủy điện Đ cho Ngân hàng thương mại cổ phần B để đảm bảo thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Hợp đồng tín dụng, thời gian đảm bảo kể từ ngày 01/3/2016 đến 31/12/2040, hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm nên có hiệu lực.

[4] Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn cho rằng bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do vậy đề nghị Toà án buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc là lãi theo hợp đồng tín dụng, tạm tính đến ngày 31/10/2021 với số tiền 596.414.894.837 đồng; (trong đó bao gồm: Gốc: 465.190.000.000 đồng, lãi trong hạn: 130.149.776.008 đồng, phí phạt quá hạn: 1.075.118.829 đồng) và xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2016/6691984/HĐBĐ ngày 29/3/2016. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Tại hợp đồng tín dụng ngày 01/2016/6691984/HĐTD ngày 29/03/2016, giữa Ngân hàng TMCP B-chi nhánh Gia Lai và Công ty cổ phần Thủy điện Đ-Đ, đã

thoả thuận về kế hoạch trả nợ gốc và lãi, trong đó quy định cụ thể về thời gian và số tiền trả nợ gốc; quy định về lãi vay được bên vay trả: vào ngày 5 tháng đầu tiên của mỗi quý thu lãi đến hết ngày 25 của tháng liền trước, kỳ thu lãi đầu tiên: 05/07/2016. Kỳ thu lãi cuối cùng trùng với ngày đến hạn của hợp đồng, thu toàn bộ lãi phát sinh còn lại; phương thức trả lãi: hàng tháng. Tại “Điều khoản và điều kiện vay” kèm theo hợp đồng tín dụng, quy định: Phương thức trả nợ: a, Khi bất cứ một món nợ nào (gốc, lãi) đến hạn, bên vay chủ động trả nợ cho BIDV hoặc BIDV được quyền trích tài khoản tiền gửi của bên vay mở tại BIDV để thu hồi nợ; d, Số nợ gốc tiền vay đến hạn hoặc số nợ lãi tiền vay đến hạn mà Bên vay không trả được mà không được gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn hoặc thời gian gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn đã hết, thì BIDV sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ thực tế, kể cả phần dư nợ chưa đến hạn sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo thoả thuận tại hợp đồng này.

[5] Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, tổng số tiền mà Ngân hàng BIDV đã giải ngân cho Công ty Đ- Đ là 536.479.084.721 đồng. Căn cứ theo thoả thuận giữa hai bên tại hợp đồng tín dụng và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng ngày 29/3/2019, bên vay có nghĩa vụ trả nợ gốc theo 41 kỳ trả nợ, kỳ trả nợ gốc đầu tiên là ngày 29/3/2019, kỳ trả nợ gốc cuối cùng là ngày 29/3/2029. Công ty Đ-Đ đã nhận đủ tiền vay theo các bảng kê rút vốn (giấy nhận nợ vay). Đến ngày 31/10/2021, Công ty Đ- Đ mới chỉ thanh toán được số tiền 76.729.084.721 đồng nợ gốc, còn lại không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ mà hai bên đã cam kết thoả thuận, vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và tiền lãi đã ký với ngân hàng. Cụ thể: (1) ngày tháng trả nợ theo hợp đồng: 25/12/2019; số tiền phân lịch trả nợ theo hợp đồng: 4.000.000.000 đồng; thời gian trả nợ thực tế: ngày 21/01/2020; số tiền trả nợ thực tế 4.000.000.000 đồng, như vậy phía Công ty Đ- Đ vi phạm thời gian trả nợ; (2) ngày tháng trả nợ theo hợp đồng: 25/3/2020, số tiền phân lịch trả nợ theo hợp đồng: 52.398.060.217 đồng, thời gian trả nợ thực tế: 3/8/2020, số tiền trả nợ thực tế: 3.269.084.721 đồng, như vậy phía Công ty Đ-Đ vi phạm thời gian và số tiền trả nợ. Như vậy, Công ty Đ-Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc lần đầu tiên vào ngày 25/12/2019 (kỳ trả nợ gốc thứ 4 theo hợp đồng tín dụng), đồng thời vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc của kỳ hạn tiếp theo. Trong khi đó, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 9 Bản điều khoản và điều kiện cho vay kèm theo Hợp đồng tín dụng quy định: *“Bên vay sẽ được coi là vi phạm hợp đồng trong trường hợp bên vay vi phạm bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi, phí phát sinh từ Hợp đồng tín dụng ký với Ngân hàng”*, điểm d khoản 2 Điều 4 Bản điều khoản và điều kiện cho vay nói trên quy định: *“Số nợ gốc tiền vay đến hạn hoặc số nợ lãi tiền vay đến hạn, mà bên vay không trả được mà không được gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn*

hoặc thời hạn gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn đã hết, thì BIDV sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ thực tế, kể các phần dư nợ chưa đến hạn sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo thoả thuận tại Hợp đồng này”. Vì vậy, hiện nay, toàn bộ dư nợ của Công ty Đ-Đ tại BIDV (bao gồm cả nợ gốc và nợ lãi) đã là nợ quá hạn. Việc Công ty Đ-Đ trả nợ không đúng hạn buộc Ngân hàng phải chuyển qua nợ quá hạn theo đúng quy định tại Điều 20 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng: “*Tổ chức tín dụng chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà khách hàng không trả được nợ đúng hạn theo thoả thuận và không được tổ chức tín dụng chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ*”.

[6] Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, khi phía Công ty cổ phần thủy điện Đ-Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ, hai bên đã tiến hành làm việc để xử lý khoản nợ vay của Công ty. Tại biên bản làm việc ngày 22/9/2020, sau khi xác định số dư nợ của Công ty cổ phần thủy điện Đ-Đ, hai bên đã thống nhất: Công ty thống nhất phối hợp với Ngân hàng hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan đến việc xử lý tài sản đảm bảo. Tại biên bản làm việc ngày 30/10/2020, sau khi xác định số dư nợ của Công ty cổ phần thủy điện Đ-Đ, hai bên thống nhất phương án xử lý nợ vay của Công ty, như sau: Hai bên thống nhất gửi văn bản đến Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị gia hạn thời hạn xét xử vụ kiện đến ngày 30/4/2021 để tạo điều kiện cho Công ty thời gian thực hiện chuyển nhượng dự án nhà máy thủy điện Đ trả nợ vay Ngân hàng. Trong thời gian này nay Ngân hàng sẽ phối hợp với đơn vị kiểm toán nhận chuyển nhượng tài sản để đẩy nhanh tiến độ xử lý nợ. Bên bảo đảm có trách nhiệm phối hợp với Ngân hàng để hoàn tất các thủ tục sang tên, đăng ký quyền sở hữu/quyền sử dụng cho người mua được tài sản trên tinh thần thiện chí hợp tác.

[7] Trong vụ án này, các bên đương sự không tranh chấp về số tiền vay, số tiền trả nợ gốc và lãi, chỉ tranh chấp về việc có vi phạm nghĩa vụ trả nợ hay không. Qua chứng cứ và phân tích lập luận trên, thấy rằng quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, phía Công ty cổ phần thủy điện Đ-Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay theo kế hoạch thu nợ gốc đối với Ngân hàng TMCP B theo Hợp đồng tín dụng do hai bên đã ký kết, theo quy định tại Điều 351 Bộ luật dân sự năm 2015. Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, Ngân hàng TMCP B yêu cầu Tòa án: 1. Buộc Công ty Cổ phần thủy điện Đ-Đ có trách nhiệm thanh toán ngay, dứt điểm cho Ngân hàng TMCP B toàn bộ khoản nợ vay nói trên theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, tính đến ngày 31/10/2021 với số tiền 596.414.894.837 đồng, trong đó: Gốc 465.190.000.000 đồng, lãi trong hạn: 130.149.776.008 đồng, phí phạt quá hạn: 1.075.118.829 đồng; 2. Xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế

chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2016/6691984/HĐBD ngày 29/3/2016. Yêu cầu này của Ngân hàng TMCP B có căn cứ nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Từ những vấn đề phân tích và lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần B với Công ty Cổ phần thủy điện Đ-Đ, thì Công ty Cổ phần thủy điện Đ-Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà hai bên đã thoả thuận khi xác lập hợp đồng, vi phạm quy định tại Điều 351 Bộ luật dân sự, nhưng Toà án cấp sơ thẩm cho rằng Công ty Cổ phần thủy điện Đ-Đ không vi phạm nghĩa vụ thanh toán và từ đó xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đánh giá hết các tình tiết của vụ án, không khách quan và làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do Bản án sơ thẩm bị sửa nên Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án. Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, số tiền nguyên đơn nộp tạm ứng án phí được hoàn trả. Bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả khoản tiền vay gốc và lãi nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm kinh doanh thương mại: Do kháng cáo được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, nguyên đơn thoả thuận chịu số tiền 6.800.000 đồng đã nộp ở giai đoạn sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điểm b khoản 1 Điều 39; điểm b, g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 274, 275, 276, 278, 292, 294, 299, 280, 317, 318, 319 và 351 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 26,27,và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần B:

1. Buộc bị đơn Công ty Cổ phần thủy điện Đ-Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần B (thông qua Chi nhánh Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Gia lai, địa chỉ: 112 Lê Lợi, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai), toàn bộ khoản nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/6691984/HĐTD ngày 29/03/2016, **với tổng số tiền 596.414.894.837 đồng** (Năm trăm chín mươi sáu tỷ, bốn trăm mười bốn triệu, tám trăm chín mươi bốn ngàn, tám trăm ba bảy đồng); trong đó:

+ Nợ gốc: 465.190.000.000 đồng;

+ Lãi trong hạn: 130.149.776.008 đồng;

+ Phí phạt quá hạn: 1.075.118.829 đồng.

2. Trường hợp bị đơn Công ty Cổ phần thủy điện Đ-Đ không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán nêu trên thì nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai thực hiện thủ tục phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2016/6691984/HĐBĐ ngày 29/03/2016 là toàn bộ Nhà máy thủy điện Đ công suất 18MW (gồm 02 bậc: bậc 1 công suất 12 MW và bậc 2 công suất 06 MW) tại xã Đ, huyện Đ và xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum để thu hồi nợ cho Ngân hàng thương mại Cổ phần B.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc bị đơn Công ty Cổ phần thủy điện Đ-Đ phải chịu 708.414.894 đồng (Bảy trăm lẻ tám triệu, bốn trăm mười bốn nghìn, tám trăm chín mươi bốn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả số tiền đã nộp tạm ứng 351.987.757 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0011629 ngày 15/10/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ngân hàng thương mại cổ phần B không phải chịu án phí phúc thẩm dân sự nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu số 0000079 ngày 24/12/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng thương mại cổ phần B thỏa thuận chịu 6.800.000 đồng (Sáu triệu, tám trăm nghìn đồng)

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Cường